**Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU ĐÀ NẴNG**Ngày khóa sổ: 31/12/2013  
**Nội dung: TÌM HIỂU KHÁCH HÀNG VÀ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG**

**A310**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tên** | **Ngày** |
| Người thực hiện | VTB | 20/02/2014 |
| Người soát xét 1 | TTTT | 23/02/2014 |
| Người soát xét 2 | TVS | 23/02/2014 |

**A. MỤC TIÊU:**

Thu thập hiểu biết về KH và môi trường hoạt động để xác định và hiểu các sự kiện, giao dịch và thông lệ kinh doanh của KH có ảnh hưởng tới BCTC, qua đó giúp xác định rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**B. NỘI DUNG CHÍNH:  
1. Hiểu biết về môi trường hoạt động và các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến DN:  
*1.1 Các vấn đề về ngành nghề mà DN kinh doanh và xu hướng của ngành nghề***

Các thông tin chung về ngành nghề mà DN đang kinh doanh và xu hướng của ngành nghề bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:

Sau thời gian tăng trưởng manh, số lượng tàu tăng lên nhanh chóng đã làm mất cân đối giữa cung và cầu tàu biển trên thế giới khiến cho sự cạnh tranh càng trở nên gay gắt. Giá cước vận tải duy trì ở mức thấp kéo dài và thấp hơn giá thành dịch vụ dẫn đến hàng loạt các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển ở cả trong nước và quốc tế kinh doanh thua lỗ, phải bán tàu. Thậm chí một số đơn vị bị phá sản, số lượng tàu bị bắt giữ để siết nợ ngày càng tăng, nhiều tàu phải dừng hoạt động do không có kinh phí duy trì bảo hiểm, nhiên liệu, lương thuyền viên...

Ngoài thị trường vận tải khí hóa lỏng vẫn ở mức cước ổn định thì thị trường vận tải biển vẫn tiếp tục duy trì ở mức trung bình đối với phần lớn các loại tàu hàng lỏng, tàu vận tải container và tàu vận tải hàng rời. Nguyên nhân chính dẫn đến hiện trạng này là do tình trạng dư thừa tải trọng của các đội tàu và nền kinh tế thế giới vẫn đang trong tình trạng phục hồi chậm chạp.

Năm 2013 giá tiền điện cũng bị tăng, giá xăng dầu tăng, giá vận chuyển cũng tăng. Tuy nhiên, tàu biển vẫn là phương tiện vận chuyển chủ chốt và chính yếu của thương mại thế giới, vận tải bằng tàu biển chiếm tỉ trọng khoảng 90% lượng hàng hóa toàn cầu.

==> Thị trường vận tải biển gặp nhiều khó khăn

***1.2 Các yếu tố pháp lý  
Các thông tin chung về các yếu tố pháp lý bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:***

(1) Chế độ kế toán và các thông lệ kế toán (nếu có) áp dụng cho các ngành nghề kinh doanh của DN (bao gồm các chính sách/quy định kế toán mới,...):  
Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành kèm theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan.  
Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Kế toán máy vi tính.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

(2) Hệ thống pháp luật và các quy định áp dụng đối với loại hình/ngành nghề kinh doanh của DN và có ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động của DN (luật DN, luật chuyên ngành, kể cả các quy định về thị trường chứng khoáng nếu Cty niêm yết, đại chúng):  
Nghị định số 115/2007/NĐ-CP ngày 5/7/2007 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ vận tải biển.

(3) Các chính sách do Nhà nước ban hnahf hiện đang ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của DN (như quy định về tiền tệ, ngoại hối, ưu????????????????  
Tỷ giá hối đoái giữa đồng VND và ngoại tệ tăng cao, đối với đơn vị sẽ phát sinh doanh thu tài chính lớn hơn chi phí tài chính.

(4) Các quy định về thuế (thuế GTGT, thuế TNDN, các loại thuế khác):  
Năm 2013 là năm mà có nhiều văn bản thay đổi liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp như Luật thuế TNDN thay đổi, Luật thuế TNCN, Luật thuế GTGT, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của chính phủ. Tuy nhiên, tác động trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp là các văn bản về thuế TNDN và thuế GTGT (chủ yếu là các quy định về hoàn thuế). Bắt đầu từ năm 2014, mức thuế suất của Công ty là 22% thay vì 25% như hiện nay. Ngoài ra, một số quy định về quản lý tài sản cố định (Thông tư số 45) cũng tác động đến việc phân loại tài sản của Công ty.

(5) Các quy định về môi trường ảnh hưởng đến ngành nghề và hoạt động của DN:  
Không

(6) Các thông tin khác:  
Không

***1.3 Các yếu tố bên ngoài khác ảnh hưởng tới DN  
Các thông tin về các yếu tố bên ngoài khác ảnh hưởng tới DN bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:***

(1) Thực trạng chung của nền kinh tế (suy thoái/tăng trưởng và ảnh hưởng đến ngành nghề...):  
Năm 2013 vẫn là một năm khó khăn đối với nên fkinh tế toàn cầu. Đặc biệt là đối với khu vực châu Âu vẫn sẽ còn gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn tài chính nhằm thoát khỏi nguy cơ suy thoái, bên cạnh việc phải hứng chịu những tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng nợ công. Thương mại quốc tế gặp phải khó khăn do tác động của các biện pháp bảo hộ thương mại, gây hiệu ứng không thuận lợi đối với nhiều nên kinh tến đang phát triển khác.

(2) Biến động về lãi suất, tỷ lệ ngoại tệ, lạm phát  
- Doanh nghiệp không vay nên sự biến động về lãi suất không ảnh hưởng tới doanh nghiệp  
- Tỷ giá ngoại tệ tăng cao, tuy nhiên điều này không ảnh hưởng tới doanh nghiệp vì phần lớn hoạt động của doanh nghiệp sử dụng tiền VND

(3) Các thông tin khác

**2. Hiểu biết về DN  
*2.1 Lĩnh vực hoạt động***

Các thông tin chung về lĩnh vực hoạt động của DN bao gôm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ gồm vận tải biển và vận tải nội địa. Khi khách hàng có nhu cầu vận chuyển thì liên hệ với VIETFRACT, sau đó công ty sẽ thuê lại nhà cung cấp khác vận chuyển hàng cho khách. Công ty hưởng hoa hồng khoảng từ 3% hoặc cao hơn. Tương tự, nếu khách hàng có nhu cầu vận chuyển nội địa, công tu thuê xe container/xe tải để chở hàng nội địa.

Địa điểm kinh doanh: 113 Hoàng Văn Thụ, TP Đà Nẵng

Không phát sinh giao dịch với các bên không liên quan

***2.2 Loại hình sở hữu và bộ máy quản trị***

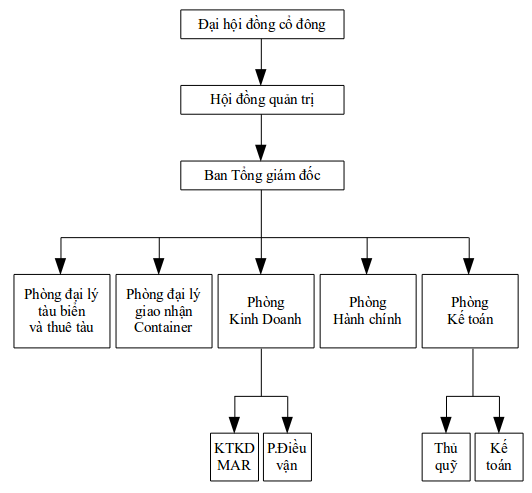
(1) Loại hình sở hữu: (Cty gia đình, Cty cổ phần, Cty Nhà nước,... Nếu là Cty niêm yết thì niêm yết từ năm nào, trên sàn nào...)

(2) Sở hữu DN: (Thông tin về các cổ đông và thành viên chính sở hữu DN (sở hữu từ 5% vốn điều lệ))

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Vốn đầu tư thực tế** | | | | | | | | |
|  | **31/12/2013** | | | |  | | **31/12/2012** | | |
|  | **Số tiền (VND)** |  | **Tỉ lệ %** |  | | **Số tiền (VND)** | |  | **Tỉ lệ %** |
| Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu | 4.195.400.000 | 52,44% |  | | 4.195.400.000 | | 51,44% |
| Cán bộ và nhân viên Công ty | 3.416.700.000 | 47,71% |  | | 3.471.600.000 | | 43,40% |
| Cổ đông ngoài công ty | 387.900.000 | 4,85% |  | | 333.000.000 | | 4,16% |
| **Cộng** | **8.000.000.000** | **100%** |  | | **8.000.000.000** | | **100%** |

(4) Các bên liên quan (Danh sách tổ chức và cá nhân liên quan tới DN, kể cả các cá nhân/tổ chức có tác động/ảnh hưởng đến DN  
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu

(5) Mô tả cơ cấu tổ chức của DN (Mô tả bằng lời hoặc sơ đồ) (bao gồm các phòng ban, các chi nhánh/văn phòng đại diện/các cửa



***2.3 Các hoạt động đầu tư và tài chính của DN***

***Các thông tin chung về hoạt động đầu tư và tài chính của DN bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:***

(1) Việc mua, bán, chia tách DN, tăng/giảm nguồn vốn kinh doanh đã được lập kế hoạch hoặc được thực hiện gầy đây:  
Không có

(2) Các hoạt động đầu tư vốn; Mua/bán chứng khoán và các khoản nợ; Các khoản đầu tư vào các đơn vị không dẫn đến hợp nhất BCTC  
Không có

(3) Các Cty con và các đơn vị liên kết lớn (kể cả các đơn vị được hợp nhất hay không hợp nhất)  
Không có

(4) Cơ cấu nợ và các điều khoản liên quan, bao gồm cả các thỏa thuận tài trợ và cho thuê tài chính được phản ánh ngoài bảng CĐKT:

(5) Đối tượng thụ hưởng (trong nước, ngoài nước, uy tín kinh doanh và kinh nghiệm) và các bên liên quan:  
Không có

(6) Sử dụng các công cụ tài chính phái sinh  
Không có

**3. Hiểu biết về các chính sách kế toán áp dụng  
*Các thông tin chung về chính sách kế toán áp dụng bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:***

(1) Các chính sách kế toán áp dụng đối với các giao dịch quan trọng (doanh thu, hàng tồn kho, giá vốn...)  
Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:  
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mẫn 4 điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ được quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, gồm:  
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn  
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch đó  
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán  
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.  
Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.  
Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

(2) Các loại ước tính kế toán (nguồn dữ liêu, tính hợp lý của các khoản dự phòng phải thu, dự phòng HTK, khấu hao,...):  
Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

(3) Kế toán giá trị hợp lý các tài sản, các khoản nợ phải trả và các giao dịch ngoại tệ; kế toán các giao dịch bất thường  
Các nghiệp vụ phát sinh bằng cấc loại ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được nghi nhận vào thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.  
Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra “Đồng Việt Nam” theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính, ngoại trừ các khoản: Trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ và các khoản chi phí trả trước bằng ngoại tệ  
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản mục tiền tệ cố gôc sngoaij tệ được xử lý theo hướng dẫn của Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

(4) Các chính sách kế toán đối với vấn đề mới/gây tranh cãi (nếu có)  
Không có

(5) Các quy định mới về kế toán, hoặc mới có hiệu lực (nếu có)  
Không có

(6) Các thay đổi chính sách kế toán (nếu có)

**4. Mục tiêu, chiến lược và những rủi ro do kinh doanh có liên quan  
*Mô tả các mục tiêu, chiến lược mà BGĐ/BQT đặt ra, các phương pháp mà BGĐ sử dụng để đạt được mục tiêu đề ra và các rủi ro kinh doanh có thể phát sinh từ những thay đổi trong DN hoặc từ những hoạt động phức tạp hơn, bao gồm:***

(1) sự phát triển của ngành nghề, sản phẩm hoặc dịch vụ mới  
Không có

(2) Mở rộng phạm vi kinh doanh  
Không có

(3) Những yêu cầu mới về kế toán  
Không có

(4) Những quy định pháp lý mới  
Không có

(5) Sử dụng công nghệ thông tin  
Không có

(6) Thực hiện một chiến lược, đặc biệt là ảnh hưởng đến những yêu cầu kế toán mới  
Không có

(7) Chiến lược khác  
Không có

**5. Việc đo lường và đánh giá kết quả hoat động  
*Mô tả các thông tin được sử dụng và cách thức BGĐ đo lường, đánh giá kết quả hoạt động, bao gồm:***

(1) Những chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động chủ yếu là (tài chính và phí tài chính), những tỉ suất quan trọng, những xu hướng và số?????????????????????????????????????  
Doanh thu  
Lợi nhuận  
Cổ tức

(2) Phân tích kết quả hoạt động theo từng giai đoạn

(3) Kế hoạch tài chính, dự báo, phân tích biến động, thông tin về các bộ phận và các báo cáo đánh giá hoạt động của các bộ phận, ????????????????????????????????????

(4) Các tiêu chí đánh giá năng lực nhân viên và chính sách lương bổng ưu đãi

(5) So sánh kết quả hoạt động của đơn vị với các đối thủ cạnh tranh (từ các bài báo, tạp chí chuyên ngành, báo cáo xếp hạng tin?????????????????????????????????)

**6. Các vấn đề khác  
*6.1 Nhân sự chủ chốt của DN***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp và kinh nghiệm** | **Liên lạc (mail/tel)** |
| Ông Lê Anh Tịnh | Tổng Giám đốc |  |  |
| Ông Phạm Dương Tùng | Phó TGĐ |  |  |
| Ông Hà Văn Lộc | Kế toán trưởng |  |  |
| Ông Nguyễn Thanh Cường | Trưởng phòng đại lý và giao nhận |  |  |
| Ông Nguyễn Huỳnh Tuấn | Trưởng Phòng kinh doanh |  |  |
| Ông Phạm Hoàng Gia | Phó Phòng đại lý tàu biển và thuê tàu |  |  |
| Ông Lại Tuấn Phú Thuận | Trưởng Phòng hành chính |  |  |

***6.2 Nhân sự kế toán***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp và kinh nghiệm** | **Liên lạc (mail/tel)** |
| Ông Hà Văn Lộc | Kế toán trưởng | Kế toán tổng hợp |  |
| Bà Hồ Thị Kim Tuyến | Kế toán viên | Kế toán tiền mặt, ngân hàng, theo dõi công nợ 331, 3388, 141, ... |  |
| Bà Đinh Thị Hồng Nở | Kế toán viên | Thu chi tiền, phát hành hóa đơn, theo dõi 131 |  |
| Bà Huỳnh thị Thúy Hồng | Kế toán viên |  |  |

***6.3 Các thông tin hành chính khác***

(1) Địa chỉ của DN và các đơn vị liên quan (nếu có)  
Địa chỉ Công ty: 113 Hoàng Văn Thụ, TP. Đà Nẵng  
Địa chỉ chi nhánh Quy Nhơn: 88 Mai Xuân Thường, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(2) Thông tin về ngân hàng mà DN mở tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên NH có quan hệ** | **Địa chỉ** |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn-CN Bình Định | 01 Nguyễn Tất Thành, TP. Quy Nhơn, Bình Định |
| Ngân hàng TMCP Nam Á-CN Bình Định | SR18-SR19, Trung tâm thương mại Quy Nhơn 07 Nguyễn Tất Thành, TP. Quy Nhơn, Bình Định |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN-CN Quy Nhơn | 152 Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, Bình Định |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN-CN Đà Nẵng | 140 Lê Lợi, TP. Đà Nẵng |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương-CN Đà Nẵng | 244-248 Nguyễn Văn Linh, TP. Đà Nẵng |
| Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Đà Nẵng | 404 Hoàng Diệu, TP. Đà Nẵng |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông-CN Trung Việt | 34-36 Quang Trung, Hải Châu, TP. Đà Nẵng |

(3) Thông tin về luật sư mà DN sử dụng  
Không có

**C. KẾT LUẬN:**Qua việc tìm hiểu KH và môi trường kinh doanh, KTV cần xác định sơ bộ các rủi ro, TK ảnh hưởng, thủ tục kiểm toán đối với rủi ro đó.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
| **1/ Rủi ro có sai sót trọng yếu ở cấp độ BCTC và biện pháp xử lý** *(Ví dụ, rủi ro do BGĐ khống chế KSNB?????* | | | |
| Không có |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **2/ Rủi ro có sai sót trọng yếu ở cấp độ CSDL và các thủ tục kiếm toán cụ thể** | | | |
| Không có |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Lưu ý:  
(1) RR đáng kể là RR có sai sót trọng yếu đã được xác định và đánh giá mà theo xét đoán của KTV phải đặc biệt lưu ý khi kiểm toán vì  
Khi đã xác định có RR đáng kể, KTV phải tìm hiểu các kiểm soát của đơn vị có liên quan đến RR đó  
(2) Các biện pháp và thủ tục này cần được bổ sung vào chương trình kiểm toán của các phần hành tương ứng.